TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 335/2024/HC-PT
Ngày: 23-4-2024
"V/v khiếu kiện Quyết định hành chính đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đinh Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm - trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần - trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 982/2023/TLPT- HC ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện Quyết định hành chính đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất"*; do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1075/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T*:* Ông Đặng T1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số B T, khu phố D, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh T2 – Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Văn N – Phó Phòng T8 (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Y T3 – Chuyên viên phòng T8 (có mặt);

- Ông Nguyễn Chia S – Cán bộ địa chính xã T, huyện N (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 2000;

2. Ông Nguyễn Công T4, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện N, Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C*, ông* T4*:* Ông Đặng T1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số B T, khu phố D, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

3. Ông Nguyễn Ngọc T5, sinh năm 2006 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

4. Ông Nguyễn T6, sinh ngày 01/01/1945 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

5. Bà Nguyễn Thị S1, sinh ngày 10/8/1949 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

6. Công ty Cổ phần Đ. Địa chỉ: KM A, Quốc lộ A, Thôn Ấ, Xã L, Huyện T, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trà Văn P (theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2024 - có mặt)

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Đặng T1 *trình bày:*

Thực hiện Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh N về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án điện gió Hanbaram;

Ngày 25/6/2021 Ủy ban nhân dân huyện N ban hành thông báo thu hồi đất số 173/QĐ-UBND và ngày 21/12/2021 Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 *về việc thu hồi đất của hộ ông (bà)* Nguyễn Thị T *sử dụng tại* xã T *để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Hanbaram (Quyết định số 875/QĐ-UBND)* có nội dung thu hồi 544,4m^2 đất của hộ ông/bà Nguyễn Thị T thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 30 xã T, mục đích sử dụng đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

Ngày 21/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 *về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà)* Nguyễn Thị T *khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Hanbaram (Quyết đinh số 901/* QĐ-UBND*). Địa điểm:* xã T, huyện N với tổng số tiền bồi thường là 93.540.610 đồng.

Ngày 29/7/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định 824/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị T (Quyết định 824/QĐ-UBND).

Bà T khiếu nại các quyết định nêu trên nên ngày 03/10/2022, Chủ Tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Văn bản số 5340/UBND-NC trả lời đơn khiếu nại cho bà T có nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà.

Nay, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy Quyết định số 875/QĐ-UBND; Quyết định số 901/QĐ-UBND; Quyết định số 824/QĐ-UBND.

Lý do khởi kiện: Dự án điện gió Hambaram thuộc công trình phát triển kinh tế xã hội giao cho Doanh nghiệp làm chủ đầu tư thực hiện được UBND tỉnh N phê duyệt tại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 02/02/2018, nên việc UBND huyện N ban hành quyết định thu hồi đất là vượt quá thẩm quyền. Hơn nữa, dự án điện gió Hambaram là dự án Nhà nước giao cho doanh nghiệp làm ra điện để kinh doanh sinh lời thì doanh nghiệp phải tiến hành thỏa thuận với người dân để mua đất sau đó mới được ban hành quyết định thu hồi đất. Trước khi thu hồi đất, UBND các cấp chưa thực hiện việc mời người dân có đất thuộc diện phải thu hồi lên lấy ý kiến, chưa thực hiện đối thoại giữa doanh nghiệp với người sử dụng đất để thỏa thuận giá bồi thường trước khi thu hồi đất là trái quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N *trình bày tại bản trình bày ý kiến và Người bảo vệ quyền và lợi ích của* Ủy ban nhân dân huyện N *trình bày tại phiên tòa:*

Thực hiện Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh N về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án điện gió Hanbaram; dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt trong danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2021 tại nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; phê duyệt danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2021 tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; Ủy ban nhân dân tỉnh B danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2021 tại Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 24/12/2020. Dự án điện gió Hanbaram có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020, năm 2021 của UBND huyện N đã được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại các Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 24/8/2021.

Như vậy, dự án Điện gió H là dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất; Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 50 Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân

dân tỉnh N quy định về việc ban hành thông báo và phê duyệt kế hoạch thu hồi đất.

Ngày 25/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Thông báo thu hồi đất số 173/QĐ-UBND; ngày 21/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 875/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Thị T; ngày 21/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T và ngày 29/7/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định 824/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà T là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành C, *ông* Nguyễn Công T4, *ông* Nguyễn Ngọc T5 *trình bày tại bản trình bày ý kiến:* các ông thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và không bổ sung thêm nội dung gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T6, *bà* Nguyễn Thị S1 *trình bày tại bản trình bày ý kiến:* Diện tích 544,4m^2 thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 30, đất LUC, đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 105629 ngày 16/7/2008 cho hộ ông Nguyễn Công T7, bà Nguyễn Thị T là tài sản của ông T7, bà T. Sau khi ông T7 chết, vợ chồng ông, bà không tranh chấp gì đối với diện tích đất này. Vợ chồng ông, bà từ chối nhận phần di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế do ông T7 để lại là một phần diện tích bị thu hồi.

Ô ng, bà không yêu cầu Tòa án tiến hành đối thoại lại vụ án. Ông, bà không đồng ý với Quyết định thu hồi đất; Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và Quyết định cưỡng chế khi thu hồi của UBND huyện N vì chưa được thỏa thuận mua bán đất giữa doanh nghiệp và người sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đ *trình bày tại bản trình bày ý kiến:* Công ty Cổ phần Đ đã nhận được công văn số 100/TA-HC ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận yêu cầu công ty có ý kiến đối với việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T khi thu hồi diện tích 544,4m^2 đất, thuộc một phần thửa đất số 375, tờ bản đồ địa chính số 30 tọa lạc tại xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Công ty Cổ phần Đ có ý kiến: đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, Công ty không đồng ý hỗ trợ bổ sung thêm bất cứ khoản tiền nào cho hộ bà Nguyễn Thị T. Do khối lượng công việc nhiều, Công ty Cổ phần Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Công ty trong tất cả các phiên làm việc, phiên họp đối thoại và phiên tòa xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có). Công ty Cổ phần Đ cam đoan không khiếu nại gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tuyên xử*:* Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện N *về việc thu hồi đất của hộ ông (bà)* Nguyễn Thị T *(đại diện hộ gia đình thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường) sử dụng tại* xã T *để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Hanbaram. Địa điểm:* xã T, huyện N.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện N *về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà)* Nguyễn Thị T *(đại diện hộ gia đình thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Hanbaram. Địa điểm:* xã T, huyện N.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện N *về việc cưỡng chế thu hồi đất.*

2. Không hủy Văn bản số 5340/UBND-NC ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, người tham gia phiên tòa đã thực hiện, tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ. Bà T kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T làm trong hạn luật định và hợp lệ theo Điều 206 luật tố tụng hành chính 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của người bị kiện và những người có quyền lời, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T5, ông Nguyễn T6, bà

Nguyễn Thị S1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Dự án Nhà máy điện gió Hanbaram tại xã T, huyện N đã được UBND tỉnh N phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 02/02/2018. Đây là dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia và được Hội đồng nhân dân tỉnh N phê duyệt trong danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2021 tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 10/12/2020. Như vậy, để thực hiện Dự án, Ủy ban nhân dân Huyện N thực hiện việc Thông báo thu hồi đất và ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho người bị thu hồi đất là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Căn cứ Bản Trích sao bản đồ Địa chính của văn phòng Đ1 thì toàn bộ diện tích đất 544,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 375 tờ bản đồ địa chính số 30 tại xã T huyện N đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 105629 ngày 16/7/2008 cho hộ ông Nguyễn Công T7, bà Nguyễn Thị T nằm trong quy hoạch dự án Nhà máy điện gió Hanbaram.

[2.3] Ngày 25/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Thông báo thu hồi đất số 173/QĐ-UBND đối với hộ bà T; ngày 21/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 875/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62, Điều 63, khoản 2 Điều 66, Điều 67, 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.4] Ngày 21/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T, theo Phương án bồi thương, hỗ trợ của Dự án với số tiền 93.540.610đ là có căn cứ. Người khởi kiện cho rằng dự án điện gió H1 là dự án Nhà nước giao cho doanh nghiệp làm ra điện để kinh doanh sinh lời thì doanh nghiệp phải tiến hành thỏa thuận với người dân để mua đất sau đó mới được ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng nên không được chấp nhận.

[2.5] Do bà T không thực hiện việc giao đất để thực hiện Dự án và phía Ủy ban nhân dân huyện N cũng đã tổ chức họp để vận động nhưng bà T không thực hiện nên căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2003 quy định:

"...2. Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất khi có đủ các điều kiện sau đây:

a, Người có đất bị thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi UBND cấp xã, UBMTTQ Việt Nam cấp xã nơi có đất bị thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã vận động, thuyết phục".

Ngày 29/7/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 824/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị T là đúng quy định pháp luật.

[2.6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu nào khác chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cần lưu ý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N có ban hành Văn bản số 5340/UBND-NC ngày 03 tháng 10 năm 2022 có nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T khiếu nại có liên quan đến việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho bà đối với phần đất bà bị thu hồi trong dự án Nhà máy điện gió Hanbaram nhưng bà T không yêu cầu hủy văn bản này. Do đây là quyết định có liên quan đến đối tượng khởi kiện trong vụ án nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính hợp pháp của văn bản này là đúng nhưng do bà T không yêu cầu hủy Văn bản này và các yêu cầu khởi kiện của bà T không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã tuyên: "*Không hủy Văn bản số 5340/UBND-NC ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân huyện N *về việc trả lời đơn của bà* Nguyễn Thị T*"* là không cần thiết và cũng vượt quá phạm vi khởi kiện của bà T nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bỏ nội dung này tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, tuy nhiên không làm thay đổi bản chất vụ án.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Điều 61, khoản 3 Điều 62, Điều 63, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điểm a khoản 3 Điều 69, Điều 71, Điều 74, Khoản 1 Điều 75, Điều 83, Điều 84, Điều 90 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; giữ nguyên phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Tuyên xử:

1.1 Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện N *về việc thu hồi đất của hộ ông (bà)* Nguyễn Thị T *(đại diện hộ gia đình*

thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường) sử dụng tại xã T *để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Hanbaram. Địa điểm:* xã T, huyện N.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện N *về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà)* Nguyễn Thị T *(đại diện hộ gia đình thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Hanbaram. Địa điểm:* xã T, huyện N.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện N *về việc cưỡng chế thu hồi đất.*

1.2 Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000632 ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000700 ngày 15/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương **Nguyễn Thị Thúy Hòa** **Nguyễn Thị Cúc**